

vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, tính mạng, tài sản của công dân; huấn luyện, thi đấu thể thao và tư vấn.

Điều 40.-

1. Việc sử dụng vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ phải bảo đảm an toàn, đúng mục đích. Khi mang công cụ hỗ trợ theo người phải có giấy phép sử dụng; khi mất công cụ hỗ trợ và giấy phép phải báo ngay cho cơ quan công an sở tại nơi mất và cơ quan cấp giấy phép.

2. Người được giao giữ, sử dụng vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ khi nghỉ hưu, thôi việc, chuyển ngành, chuyển công tác khác hoặc không đủ tiêu chuẩn, điều kiện (quy định tại Điều 39 và Điều 40) thì phải giao nộp lại cho cơ quan, đơn vị được trang bị. Cơ quan, đơn vị được trang bị có trách nhiệm kiểm tra và thu nhận lại đầy đủ.

Điều 41.-

1. Bộ Quốc phòng quy định và quản lý các cơ sở sản xuất, sửa chữa vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ trong Quân đội nhân dân để trang bị cho các lực lượng thuộc Bộ Quốc phòng quản lý được quy định tại điểm a. Khoản 1 Điều 38 Quy chế này.

Việc nhập khẩu vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ để trang bị cho Quân đội nhân dân do Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm.

2. Bộ Nội vụ quy định và quản lý các cơ sở sản xuất, sửa chữa, xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ để cấp nhượng cho các đối tượng quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l Khoản 1 Điều 38 Quy chế này.

3. Việc cung cấp, chuyển nhượng vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ cho các đối tượng quy định tại Điều 38 Quy chế này phải có giấy phép của cơ quan công an từ cấp tỉnh trở lên, trừ các đối tượng do Bộ Quốc phòng quản lý.

Điều 42.-

1. Các kho, cơ sở sản xuất, sửa chữa vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ phải thiết kế, xây dựng đúng tiêu chuẩn, có nội quy, phương án bảo vệ, phương tiện bảo đảm an toàn, sổ sách theo dõi; chấp hành đúng chế độ kiểm tra, báo cáo thường xuyên, đột xuất và có người bảo quản.

Điều 43.- Việc sửa chữa, chuyển loại, thanh lý, tiêu hủy vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ phải theo đúng quy định của Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 44.- Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Điều 45.- Quy chế này có hiệu lực từ ngày ký. Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục Thể thao chịu trách nhiệm hướng dẫn chi tiết và tổ chức thực hiện.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 48-CP ngày 12-8-1996 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản ngày 25 tháng 4 năm 1989;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 6 tháng 7 năm 1995;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thủy sản,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Phạm vi điều chỉnh của Nghị định:

Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản, hình thức xử phạt và mức phạt, thẩm quyền xử phạt, thủ tục và biện pháp xử phạt.

Điều 2.- Quy định về xử lý vi phạm:

Xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản và xử lý vi phạm đối với người bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản thực hiện theo các Điều 91, 92 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 6 tháng 7 năm 1995.

Điều 3.- Quy định về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo:

Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản thực hiện theo các Điều 87, 88 và 90 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 6 tháng 7 năm 1995.

Chương II

MỨC PHẠT VÀ HÌNH THỨC XỬ PHẠT CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

Điều 4.- Mức xử phạt đối với những hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản:

1. Đối với các hành vi phá, làm thay đổi nơi cư trú, sinh sống của các loài thủy sản:

Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, tịch thu tang vật vi phạm đối với một trong các hành vi sau đây:

- Phá các bãi đá ngầm, bãi san hô, bãi thực vật ngầm.

- Phá dỡ hoặc xây dựng trái phép các công trình nổi, công trình ngầm ở các vùng nước.

2. Đối với các hành vi xả, thải hoặc để rò rỉ các chất độc hại, các loại thực vật có độc tố hoặc các chất thải khác, gây ô nhiễm vùng nước sinh sống của các loài thủy sản:

a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu gây ô nhiễm đến 1 hecta vùng nước.

b) Phạt tiền 5.000.000 đồng/1 hecta, nếu gây ô nhiễm trên 1 hecta vùng nước.

Ngoài mức phạt tiền trên đây, người vi phạm còn bị buộc thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm.

Điều 5.- Mức xử phạt đối với những hành vi vi phạm về bảo vệ các loài thủy sản:

1. Phạt tiền từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng trên một kilôgam thủy sản khai thác được, đối với hành vi khai thác các loài thủy sản có kích thước nhỏ hơn kích thước cho phép khai thác. Người vận chuyển, tiêu thụ, chế biến loại thủy sản này bị phạt tiền từ 5.000 đồng đến 10.000 đồng trên một kilôgam thủy sản.

2. Phạt tiền từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng trên một kilôgam thủy sản khai thác được, đối với hành vi khai thác các loài thủy sản trong thời gian cấm khai thác. Người vận chuyển, tiêu thụ, chế biến loại thủy sản này bị phạt tiền từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng trên 1 kilôgam thủy sản.

3. Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng trên một kilôgam thủy sản khai thác được, đối với hành vi khai thác các loài thủy sản trong danh mục cấm khai thác. Người vận chuyển, chế biến, tiêu thụ loại thủy sản này bị phạt tiền từ 20.000 đồng đến 30.000 đồng trên 1 kilôgam thủy sản.

Ngoài mức phạt tiền nêu tại Điểm 1, 2, 3 Điều này, người vi phạm còn bị:

Buộc thả số thủy sản còn sống trở lại môi trường sống của chúng; tịch thu số thủy sản đã khai thác được hoặc đang vận chuyển, chế biến, tiêu thụ.

Điều 6.- Mức xử phạt đối với những hành vi vi phạm về quản lý khai thác thủy sản.

1. Vi phạm về quản lý ngư trường:

a) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi khai thác thủy sản không có giấy phép hoạt động nghề cá do cơ quan có thẩm quyền cấp.

b) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi khai thác thủy sản không có giấy phép di chuyển ở các ngư trường quy định phải có giấy phép di chuyển.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đặt chà rạo, dăng, đáy, fông, bè để khai thác thủy sản không đúng quy định, làm ảnh hưởng đến các nghề khai thác thủy sản khác của vùng đi ưu của các loại thủy sản trong mùa sinh sản của chúng.

b) Sử dụng nguồn sáng vượt quá công suất quy định từ 20% trở lên cho từng loại nghề để khai thác thủy sản.

Ngoài mức phạt tiền trên đây, người vi phạm còn bị buộc đặt lại chà rạo, dăng, đáy theo đúng quy định; tịch thu nguồn sáng vượt quá công suất quy định.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng lưới có kích thước mắt lưới nhỏ hơn quy định để khai thác thủy sản.

b) Sản xuất, kinh doanh hoặc sử dụng các loại công cụ khai thác thủy sản trong danh mục cấm sử dụng.

Ngoài mức phạt tiền trên đây, người vi phạm còn bị tịch thu lưới có kích thước mắt lưới nhỏ hơn quy định; tịch thu công cụ khai thác thủy sản trong danh mục cấm sử dụng.

4. Đối với hành vi dùng kích điện để khai thác thủy sản:

a) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng nếu dùng ác quy xách tay, kích điện để đánh bắt thủy sản ở ruộng, ao, hồ, kênh rạch, mương máng, sông ngòi, đầm phá.

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng nếu dùng ác quy, máy phát điện đặt trên ghe, xuồng, kết hợp lưới giã, lưới te, kích điện để khai thác thủy sản.

Ngoài mức phạt tiền trên đây, người vi phạm còn bị tịch thu phương tiện vi phạm và số thủy sản khai thác được.

5. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, tịch thu phương tiện vi phạm và số thủy sản khai thác được, đối với hành vi dùng hóa chất độc, hoặc thực vật có độc tố để khai thác thủy sản.

6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, tịch thu phương tiện vi phạm và số thủy sản khai thác được, đối với hành vi dùng chất nổ để khai thác thủy sản. Người vận chuyển, chế biến, tiêu thụ loại thủy sản này bị phạt tiền từ

10.000 đồng đến 20.000 đồng trên 1 kilôgam thủy sản.

7. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, buộc thả số thủy sản còn sống trở lại môi trường sống của chúng; tịch thu số thủy sản còn lại, đối với hành vi khai thác thủy sản trong khu vực cấm khai thác.

Điều 7.- Mức xử phạt đối với những hành vi vi phạm về quản lý tàu, thuyền nghề cá:

1. Vi phạm các quy định về đóng, sửa tàu, thuyền:

a) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi đóng mới, hoán cải tàu, thuyền mà không có giấy phép (đối với loại tàu, thuyền quy định phải có giấy phép).

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi đóng mới tàu, thuyền không có hồ sơ thiết kế (đối với cỡ loại tàu, thuyền quy định phải có thiết kế).

2. Vi phạm các quy định về đăng ký, đăng kiểm:

Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với loại tàu, thuyền quy định phải có đăng ký, đăng kiểm và số danh bạ thuyền viên, nếu chủ phương tiện có một trong các hành vi sau đây:

- Sử dụng tàu, thuyền chưa đăng ký vào hoạt động nghề cá.

- Đổi chủ, chuyển vùng hoặc sửa chữa lớn làm thay đổi các thông số cơ bản của tàu, thuyền mà không đăng ký lại.

- Không có sổ danh bạ thuyền viên.

- Sử dụng tàu, thuyền không có giấy tờ đăng kiểm hoặc để quá hạn đăng kiểm.

3. Vi phạm các quy định về vận hành tàu, thuyền:

a) Phạt cảnh cáo đối với hành vi viết số đăng ký trên tàu, thuyền không đúng quy định hoặc để số đăng ký mờ (đối với tàu, thuyền quy định phải có số đăng ký).

b) Phạt tiền từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng đối với người hành nghề khai thác thủy sản đi trên tàu, thuyền mà không đủ giấy tờ theo quy định.

c) Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với hành vi không viết số đăng ký trên tàu, thuyền (đối với tàu, thuyền quy định phải có số đăng ký).

d) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển tàu, thuyền, vận hành máy tàu không có bằng hoặc sử dụng bằng của người khác (đối với cỡ loại tàu quy định phải có bằng).

d) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Trốn tránh hoặc ngăn cản sự kiểm tra, kiểm soát của lực lượng bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không đúng các quy định khi điều khiển tàu, thuyền ra, vào luồng lạch hoặc khi neo đậu tại các cảng, bến đậu.

- Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không đúng các quy định về trang bị tín hiệu khi tàu, thuyền đang khai thác thủy sản hoặc đang trong hành trình trên biển.

Ngoài mức phạt tiền nêu tại các Điểm 1, 2, 3 Điều này, người vi phạm còn bị buộc thực hiện theo đúng quy định về đóng, sửa, đăng ký, đăng kiểm, vận hành tàu, thuyền.

Điều 8.- Mức xử phạt đối với những hành vi vi phạm về quản lý nuôi trồng thủy sản:

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nuôi trồng thủy sản không theo quy hoạch, kế hoạch, gây hậu quả xấu đến môi trường sinh thái hoặc ảnh hưởng xấu đến các đơn vị sản xuất, kinh doanh hợp pháp đã có trên địa bàn.

b) Kinh doanh giống thủy sản, thức ăn dùng cho nuôi trồng thủy sản không đúng tiêu chuẩn hoặc không đăng ký theo quy định.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Sản xuất và nhân các loại giống mới chưa được Bộ Thủy sản công nhận.

- Di giống mới từ tỉnh này sang tỉnh khác không có giấy phép.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu xuất khẩu hoặc nhập khẩu giống thủy sản không có giấy phép.

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu xuất khẩu hoặc nhập khẩu thức ăn dùng cho nuôi trồng thủy sản không có giấy phép.

Ngoài mức phạt tiền nêu tại Điểm 1, 2, 3, 4 Điều này, người vi phạm còn bị buộc thực hiện đầy đủ theo các quy định hiện hành.

Điều 9.- Mức xử phạt đối với những hành vi vi phạm về phòng, trị dịch bệnh cho thủy sản:

1. Vi phạm các quy định về phòng dịch bệnh cho thủy sản:

a) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng nếu cơ sở nuôi trồng thủy sản, sản xuất giống thủy sản, thức ăn dùng cho thủy sản (trừ các hộ gia đình sản, xuất kinh doanh có quy mô nhỏ để tự túc) có một trong các vi phạm sau đây:

- Không thực hiện các biện pháp phòng bệnh bắt buộc theo quy định của Bộ Thủy sản.

- Không chấp hành các quy định về vệ sinh thú y thủy sản.

- Không khai báo với cơ quan bảo vệ nguồn lợi thủy sản khi phát hiện các loài thủy sản nuôi ở các trạm, trại của mình bị bệnh.

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Đổ xác các loài thủy sản đã nhiễm bệnh vào các vùng nước.

- Dùng các loài thủy sản đã nhiễm bệnh để nuôi, sản xuất giống, hoặc làm thức ăn tươi cho thủy sản.

- Không thực hiện các biện pháp xử lý chất thải khi chế biến thủy sản để loại trừ mầm bệnh.

c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các vi phạm sau đây:

- Xả nước hoặc các chất thải chưa được xử lý từ nơi có dịch bệnh về thủy sản sang các vùng nước khác.

- Không thực hiện các biện pháp chống dịch về thủy sản khi đã có quyết định công bố dịch.

- Đưa các loài thủy sản ra khỏi nơi có dịch về thủy sản khi chưa có quyết định bãi bỏ quyết định công bố dịch.

Ngoài mức phạt tiền trên đây, người vi phạm còn bị buộc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho thủy sản, tiêu hủy số thủy sản đã nhiễm bệnh.

2. Vi phạm các quy định về kiểm dịch thủy sản.

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Vận chuyển giống thủy sản (kể cả giống bố mẹ) từ tỉnh này sang tỉnh khác không có giấy chứng nhận kiểm dịch do cơ quan bảo vệ nguồn lợi thủy sản cấp.

- Không chấp hành việc kiểm tra vệ sinh thú y thủy sản, kiểm dịch thủy sản.

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi trốn tránh việc kiểm dịch khi xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, mượn đường hoặc quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam các loài thủy sản.

Ngoài mức phạt tiền trên đây, người vi phạm còn bị buộc thực hiện đầy đủ quy định về kiểm dịch.

3. Vi phạm các quy định về quản lý thuốc thú y thủy sản:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Sản xuất, kinh doanh thuốc thú y thủy sản mà không có giấy phép.

- Sản xuất, kinh doanh các loại thuốc thú y thủy sản chưa được Bộ Thủy sản công nhận.

b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y thủy sản, các loại bán thành phẩm hoặc nguyên liệu làm thuốc thú y thủy sản mà không có giấy phép.

Điều 10.- Mức xử phạt đối với những hành vi vi phạm về sử dụng giấy phép:

1. Phạt cảnh cáo và thu hồi giấy phép đối với hành vi sử dụng giấy phép do cơ quan cấp không đúng thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 20.000 đồng đến 100.000 đồng, buộc phải đổi giấy phép mới đối với hành vi sử dụng giấy phép quá hạn.

3. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng, buộc đình chỉ các hoạt động sai phép đối với hành vi hoạt động nghề cá sai nội dung ghi trong giấy phép.

4. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa giấy phép, hoặc sử dụng các loại giấy phép giả, giấy tờ giả về đăng ký, đăng kiểm phương tiện nghề cá, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ và các chức danh trên tàu.

Thu hồi các loại giấy tờ giả và giấy tờ đã sửa chữa.

5. Đối với hành vi sản xuất, kinh doanh thuốc thú y thủy sản giả, hoặc giả mạo các loại giấy tờ về quản lý, sản xuất, kinh doanh thủy sản thì bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

Chương III

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC VÀ BIỆN PHÁP XỬ PHẠT

Điều 11.- Thẩm quyền quyết định xử phạt:

1. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng;

d) Buộc bồi thường thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra đến 500.000 đồng;

đ) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;

e) Đình chỉ các hoạt động gây ô nhiễm môi trường sống của thủy sản, lây lan dịch bệnh cho các loài thủy sản;

g) Buộc tiêu hủy số thủy sản bị nhiễm bệnh.

2. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép (đối với giấy phép do cơ quan Nhà nước cấp trên cấp thì quyết định đình chỉ hành vi vi phạm và đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy phép);

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ những công trình nổi, công trình ngầm xây dựng trái phép ảnh hưởng đến môi trường sống của các loài thủy sản;

e) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường sống của thủy sản, lây lan dịch bệnh cho các loài thủy sản do vi phạm hành chính gây ra;

g) Buộc bồi thường thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra đến 1.000.000 đồng;

h) Buộc tiêu hủy số thủy sản bị nhiễm bệnh.

3. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) có quyền:

a) Thực hiện các quyền nêu tại Điểm a, c, d, đ, e, g, h Khoản 2 Điều này;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng.

4. Thanh tra viên Bảo vệ nguồn lợi thủy sản có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng;

d) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ những công trình nổi, công trình ngầm xây dựng trái phép ảnh hưởng đến môi trường sống của các loài thủy sản;

đ) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường sống của thủy sản, lây lan dịch bệnh cho thủy sản do vi phạm hành chính gây ra;

e) Buộc tiêu hủy số thủy sản bị nhiễm bệnh.

5. Chánh Thanh tra chuyên ngành Bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh (nơi chưa có tổ chức Thanh tra chuyên ngành Bảo vệ nguồn lợi thủy sản cấp tỉnh) có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc

tháo dỡ những công trình nổi, công trình ngầm xây dựng trái phép ảnh hưởng đến môi trường sống của các loài thủy sản;

e) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường sống của thủy sản, lây lan dịch bệnh cho thủy sản do vi phạm hành chính gây ra;

g) Buộc bồi thường thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra đến 1.000.000 đồng;

h) Buộc tiêu hủy số thủy sản bị nhiễm bệnh.

6. Chánh Thanh tra chuyên ngành Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Trung ương có quyền:

a) Thực hiện các quyền nêu tại Điểm a, c, d, đ, e, g, h Khoản 5 Điều này;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng.

Điều 12.- Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính:

1. Khi xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền phải thực hiện theo đúng quy định từ Điều 45 đến Điều 56 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 6 tháng 7 năm 1995.

2. Tổ chức, cá nhân bị phạt tiền phải nộp tiền phạt tại điểm thu tiền hoặc ủy nhiệm thu tiền của cơ quan Kho bạc Nhà nước ghi trong quyết định xử phạt. Nếu không nộp tiền đúng thời hạn quy định thì bị cưỡng chế thi hành.

Nghiêm cấm người xử phạt thu tiền phạt tại chỗ.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13.- Nghị định này thay thế Nghị định số 85-CP ngày 22-11-1993 của Chính phủ ban hành Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 14.- Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký. Bộ trưởng Bộ Thủy sản hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch

Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 480-TTg ngày 24-7-1996 về việc nâng cấp Trường Trung học Giao thông vận tải khu vực I thành Trường Cao đẳng Giao thông vận tải.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 15-CP ngày 2-3-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 90-CP ngày 24-11-1993 của Chính phủ quy định cơ cấu khung của hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống văn bằng, chứng chỉ về giáo dục và đào tạo của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 879-KHTC ngày 14-2-1996;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Nâng cấp Trường Trung học Giao thông vận tải khu vực I thành Trường Cao đẳng Giao thông vận tải.

Điều 2.- Trường Cao đẳng Giao thông vận tải có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng cán bộ trình độ

cao đẳng, nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

Điều 3.- Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thuộc Bộ Giao thông vận tải, chịu sự quản lý ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; được hưởng các chính sách, chế độ do Nhà nước ban hành cho hệ thống các trường đại học và cao đẳng.

Điều 4.- Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 5.- Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng
NGUYỄN KHÁNH

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 485-TTg ngày 29-7-1996 về việc thành lập Ban Quản lý Khu công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 192-CP ngày 28-12-1994 của Chính phủ ban hành Quy chế Khu công nghiệp;

Để thực hiện Quyết định số 333-TTg ngày 22-5-1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu công nghiệp Mỹ Xuân A tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp này;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,